

Số: /BC-SCT

Quảng Trị, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI THÁNG 10 NĂM 2020

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Tháng 10/2020, do ảnh hưởng dịch Covid-19 từ những tháng trước và tình hình thời tiết bất lợi và thiên tai, lũ lụt đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 10/2020 ước tính giảm 3,28% so với tháng trước và tăng 0,43% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,26%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 0,43%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,08%. Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 19,47% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 10 tháng đầu năm 2020, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,01% so với cùng kỳ năm trước (thấp hơn nhiều so với mức tăng của 10 tháng đầu năm 2019 là 10,25%). Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng tăng 6,07%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,78%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 5,74%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,72% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong tháng 10/2020 có mức tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Dăm gỗ tăng 97,29%; bia lon tăng 62,65%; lốp xe các loại tăng 18,54%; nước máy tăng 11,3%. Một số sản phẩm có mức tăng ổn định như: Bộ com-lê, quần áo tăng 8,67%; tấm lợp pro xi măng tăng 8,11%; điện sản xuất tăng 7,55%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Quặng zircon và tinh quặng zircon giảm 51,89%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 44,38%; tinh bột sắn giảm 30,81%; sắn xe các loại giảm 25,48%; nước hoa quả, tăng lực giảm 16,76%; phân hóa học giảm 11,42%; điện thương phẩm giảm 5,71%; ván ép giảm 4,57%; xi măng giảm 2,04% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong 10 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước tăng cao như: Tấm lợp pro xi măng tăng 30,02%; lốp xe các loại tăng 21,07%; dăm gỗ tăng 13,53%; bộ com-lê, quần áo tăng 12,99%; quặng inmenit và tinh quặng inmenit tăng 12,78%. Một số sản phẩm có mức tăng ổn định như: Xi măng tăng 6,12%; điện thương phẩm tăng 5,96%; nước máy tăng 5,66%; điện sản xuất tăng 5,29%. Một số sản phẩm công nghiệp

giảm như: Gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 31,43%; ván ép giảm 18,27%; nước hoa quả giảm 18,3%; sắn xe các loại giảm 10,65%; bia lon giảm 8,58%; phân hóa học giảm 4,66%; quặng zircon và tinh quặng zircon giảm 4,17%; tinh bột sắn giảm 3,59% so cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại dịch vụ:

Nhờ chủ động cung ứng đủ số lượng hàng hóa phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh năm 2020 nên hàng hóa đảm bảo đáp ứng phục vụ tiêu dùng cho nhân dân và khả năng huy động số lượng hàng hóa lớn cung ứng trên địa bàn tỉnh trong thời gian bão lũ xảy ra. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 10/2020 ước đạt 2.493,7 tỷ đồng, giảm 6,51% so với tháng trước và tăng 1,01% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 2.242,81 tỷ đồng, giảm 6,56% so với tháng trước và tăng 6,59% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 183,05 tỷ đồng, giảm 4,74% so với tháng trước và giảm 30,64% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 0,24 tỷ đồng, giảm 20,47% so với tháng trước và giảm 91,65% so cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 67,61 tỷ đồng, giảm 9,65% so với tháng trước và giảm 30,87% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Trong 10 tháng năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 25.417,07 tỷ đồng, tăng 1,31% so với cùng kỳ năm trước và chỉ đạt 75,87% so với kế hoạch năm 2020 (KH: 33.500 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 22.496,86 tỷ đồng, tăng 4,71%; dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 2.081,78 tỷ đồng, giảm 19,39%; dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch 5,8 tỷ đồng, giảm 80,3%; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 832,62 tỷ đồng, giảm 14,72% so với cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Triển khai, phổ biến Nghị định 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ về quản lý và phát triển cụm công nghiệp; Hoàn chỉnh Kế hoạch tổng kết chương trình khuyến công giai đoạn 2016-2020 và tôn vinh sản phẩm CNNT tiêu biểu năm 2020; Làm việc với Sở Công Thương Nghệ An về tìm hiểu kết nối tiêu thụ sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm OCOP và đặc sản vùng miền. Liên hệ Doanh nghiệp thu hồi phiếu điều tra, đánh giá năng lực sản xuất công nghiệp.

- Hoàn chỉnh, trình thẩm định Dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 53/2014/QĐ-UBND và Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp khuyến công; Tổ chức nghiệm thu các đề án khuyến công tỉnh và quốc gia năm 2020; Tham gia làm việc với UBND huyện Triệu Phong về Quy hoạch chi tiết CCN Tây Triệu Phong; Đánh giá tình hình kinh doanh và sử dụng tiền chất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra chất lượng điện năng nguồn điện của trạm biến áp cấp điện cho Bệnh viện Đa khoa Khu vực Triệu Hải; Kiểm tra tình hình an toàn hồ chứa thủy điện trong mùa mưa lũ; Kết luận kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động điện lực tại các đơn vị Điện lực Cam Lộ, Vĩnh Linh và Gio Linh.

Thúc đẩy phát triển điện mặt trời mái nhà sau năm 2020; Thỏa thuận hướng tuyến đường dây thuộc công trình Cấp điện nông thôn các xã Hải Lâm, huyện Hải Lăng; A Ngo, A Vao và Tà Rụt, huyện Đakrông.

- Tham mưu điều chỉnh ranh giới dự án nhà máy điện gió (NMĐG) Tân Linh, Hướng Tân, huyện Hướng Hóa; Thỏa thuận điều chỉnh hướng tuyến đường dây 110kV đầu nối Dự án NMĐG Hướng Tân vào hệ thống điện quốc gia; Thỏa thuận hướng tuyến đường dây 22kV gom các tua bin Dự án NMĐG Tân Linh; Bổ sung Dự án NMĐG Đakrông, dự án điện gió tại xã Tân Hợp và Hướng Tân, dự án NMĐG Hưng Bắc, Phương Bắc và Phương Bắc 2, dự án Nhà máy điện mặt trời LIG-Gio Linh 1,2,3; các dự án Nhà máy điện mặt trời Triệu Sơn 1 và Triệu Sơn 2; Dự án Trung tâm Điện khí LNG Hải Lăng, Dự án Nhà máy điện mặt trời HPP- Hải Dương vào Quy hoạch phát triển điện lực.

- Xây dựng, hoàn chỉnh Quy chế phối hợp quản lý hoạt động thương mại biên giới; Dự thảo Kế hoạch phát triển thương mại biên giới tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Trình phê duyệt Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Trình phê duyệt danh mục Đề án Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị năm 2021. Đăng ký kết nối các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp của tỉnh vào các chuỗi siêu thị, cửa hàng trên địa bàn.

- Tham mưu đảm bảo cung ứng các mặt hàng thiết yếu và ổn định thị trường trong thời gian mưa lớn gây ngập lụt trên địa bàn tỉnh; Đề xuất UBND tỉnh cấp hàng hóa phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đối với huyện Đakrông; Triển khai các biện pháp phòng, chống bệnh cúm gia cầm. Tổ chức tiêu hủy thuốc lá trên địa bàn TP Đông Hà và huyện Hướng Hóa; Chuẩn bị huấn luyện kỹ thuật an toàn và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm.

- Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2021; Tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương theo Văn bản số 4698/UBND-NC ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh. Tiếp tục giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Cường về xây dựng công trình lưới điện thuộc Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2014-2020. Đơn đốc thực hiện kết luận số 494/KL-TTr của Thanh tra tỉnh.

- Tham mưu ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Công Thương; Xây dựng kế hoạch và thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc vào hoạt động cơ quan, đơn vị; Chuẩn bị nội dung họp giao ban lãnh đạo Sở về triển khai nhiệm vụ quý IV năm 2020. Trình phê duyệt phương án chuyển ngạch và xếp lương mới đối với công chức theo Thông tư số 11/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ; Làm việc với Đoàn Kiểm toán nhà nước khu vực II và phối hợp kiểm tra thực tế tại cơ sở.

III. Một số công tác trọng tâm tháng 11 năm 2020

- Tiếp tục nắm tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, các dự án đầu tư và tham mưu các giải pháp hỗ trợ theo Kế hoạch số 3398/KH-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh; Kế hoạch dự trữ hàng hóa, bình ổn thị trường bảo đảm cung cấp đủ số lượng, chất lượng các loại hàng hóa thiết yếu cho người dân trên địa bàn trong mùa mưa lũ và giai đoạn phòng chống dịch Covid-19 mới.

- Triển khai thu thập thông tin năng lực sản xuất sản phẩm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Trình Sở Tài chính phê duyệt dự toán Kế hoạch diễn tập ứng phó sự cố Hóa chất; Chỉ đạo thực hiện và hoàn thành các Đề án thuộc Chương trình khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2020. Xây dựng chương trình khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025.

- Thành lập và tổ chức Đoàn kiểm tra định kỳ về kỹ thuật an toàn công nghiệp (an toàn hóa chất, an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến; an toàn trong sử dụng điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả); Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2020 về tình hình bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện đầu tư của các dự án năng lượng, dự án công nghiệp trên địa bàn, trọng tâm là tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án khởi công dịp chào mừng 30 năm lập lại tỉnh. Tiếp tục thực hiện, hoàn thành các gói thầu dự án điện nông thôn theo kế hoạch vốn bố trí năm 2020.

- Tham mưu đề xuất các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng ngành thương mại - dịch vụ trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao tỷ trọng ngành thương mại dịch vụ đạt chỉ tiêu đề ra. Thực hiện Kế hoạch 4157/KH-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh về xây dựng điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP; Hỗ trợ, kết nối các sản phẩm OCOP vào siêu thị, chuỗi cửa hàng bán lẻ năm 2020.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động thương mại biên giới; Thực hiện hoàn thành các Đề án xúc tiến thương mại năm 2020 do Sở Công Thương chủ trì; Quản lý, giám sát việc triển khai thực hiện các Đề án xúc tiến thương mại của tỉnh năm 2020. Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh xem xét Dự thảo Kế hoạch phát triển thương mại biên giới tỉnh; Chương trình xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục tham mưu Giám đốc Sở giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Cường về xây dựng công trình lưới điện thuộc Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia; Lập xây dựng danh mục văn bản quy phạm pháp luật năm 2021.

- Hoàn thành Báo cáo kiểm điểm chỉ đạo, điều hành 2020; Xây dựng Chương trình công tác trọng tâm năm 2021 của Sở; Tham gia xây dựng Chương trình công tác trọng tâm của UBND tỉnh năm 2021.

- Thực hiện, hoàn thành các nội dung chỉ số cải cách hành chính của ngành Công Thương năm 2020; Triển khai thực hiện phần mềm “một cửa điện tử” và các hoạt động chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Sở năm 2020.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình phát triển công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước trong tháng 10 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 11 năm 2020; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

Nơi nhận:

- PCTTT UBND tỉnh Hà Sỹ Đồng (b/c);
- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê Quảng Trị;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Hưng

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT

Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI

Tháng 10 và 10 tháng năm 2020

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	925	915	8494	1228	7532	98.87%	74.51%	112.78%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	626.68	595	5776	1237	6027	94.94%	48.11%	95.83%
3	Tinh bột sắn	Tấn	4957	6292	52743	9094	54705	126.94%	69.19%	96.41%
4	Bia lon	1000 lít	1297	1350	8194	830	8963	104.09%	162.65%	91.42%
5	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1100	1150	9419	1381	11528	104.55%	83.24%	81.70%
6	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	1677.43	1817	17272	1672	15286	108.33%	108.67%	112.99%
7	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	4650	4551	49546	8182	72260	97.87%	55.62%	68.57%
8	Dăm gỗ	Tấn	36083	29940	304627	15176	268331	82.97%	197.29%	113.53%
9	Ván ép	M3	17503	18000	142975	18661	174940	102.84%	96.46%	81.73%
10	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	476	450	4183	508	5396	94.54%	88.58%	77.52%

11	Phân hoá học (NPK)	Tấn	4808	4500	49013	4617	51410	93.59%	88.58%	95.34%
12	Lốp xe các loại	1000 cái	301	300	2637	253	2178	99.67%	118.54%	121.07%
13	Săm xe các loại	1000 cái	393	390	4138	523	4631	99.24%	74.52%	89.35%
14	Xi măng	Tấn	25461	24000	230526	24500	217222	94.26%	97.96%	106.12%
15	Tấm lợp pro xi măng	1000 m2	516	400	4174	370	3210	77.55%	108.11%	130.02%
16	Điện sản xuất	Triệu KWh	65	57	684	53	650	87.17%	107.55%	105.29%
17	Điện thương phẩm	Triệu KWh	66	66	619	70	584	100.30%	94.29%	105.96%
18	Nước máy	1000 m3	1402	1399	12143	1257	11493	99.79%	111.30%	105.66%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2667.46	2493.70	25417.07	2468.67	25073.14	93.49%	101.01%	101.37%
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	2400.18	2242.81	22496.86	2104.15	21484.92	93.44%	106.59%	104.71%
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		267.28	250.90	2920.21	364.52	3588.22	93.87%	68.83%	81.38%
2.1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	192.45	183.28	2087.59	266.72	2611.89	95.24%	72.59%	81.93%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		192.16	183.05	2081.78	263.90	2582.42	95.26%	69.36%	80.61%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0.30	0.24	5.80	2.82	29.46	79.53%	8.35%	19.70%
2.2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	74.83	67.61	832.62	97.81	976.34	90.35%	69.13%	85.28%

SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 02/SCT

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 10 và 10 tháng năm 2020

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 9/2020		Dự ước tháng 10/2020			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 10/2020 so với tháng 10/2019
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	165.40	106.13	160.06	96.78	100.43	105.01
1. Công nghiệp khai khoáng	106.08	92.59	101.89	96.05	80.53	106.07
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	172.68	109.01	168.49	97.57	102.26	104.78
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	180.00	98.90	167.60	93.11	100.43	105.74
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	119.78	115.38	119.14	99.87	110.08	103.72

SỞ CÔNG THƯƠNG QUẢNG TRỊ
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QLNN TRÊN LĨNH VỰC PHỤ TRÁCH
(BÁO CÁO CÔNG TÁC THÁNG 10 NĂM 2020)**
(Báo cáo được cập nhật đến hết 14h ngày 23/10/2020)

TT	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở	Có thực hiện báo cáo	Không thực hiện báo cáo
01	Phòng Quản lý Công nghiệp	X	
02	Thanh tra Sở	X	
03	Phòng Quản lý Thương mại	X	
04	Phòng Quản lý Năng lượng	X	